TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 10/2019/HNGĐ – ST
Ngày 19/7/2019
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Ó

- Bà Đinh Thị Hoán

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2019/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST – DS, ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản N, xã Huy H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: anh Đinh Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản N, xã Huy H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện đang điều trị tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới với nhau từ năm 1999, có sự chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh do anh T mắc vào tệ nạn ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần và cũng tìm cách để giúp anh T cai nghiện, từ bỏ ma túy cho anh T nhưng không được, từ năm 2018 đến nay thì anh chị ly thân nhau, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Đinh Văn T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đinh Thị A, sinh ngày 05/8/1999 (hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng), Đinh Trường S, sinh ngày 21/10/2007, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Trường S đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H có đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: anh chị có khoản nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở với số tiền vay là 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn với mã khách hàng: 050557, đối với khoản vay này, anh chị vẫn trả lãi xuất đúng quy định. Qua buổi hòa giải ngày 03/7/2019, anh chị thống nhất anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) và lãi xuất phát sinh theo quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa chị H có đề nghị nếu Ngân hàng yêu cầu chị cùng có trách nhiệm thanh toán trả số nợ trên thì chị sẽ tự nguyện đứng ra thanh

toán trả cho ngân hàng 4.000.000,đ tiền gốc và lãi xuất. Còn số còn lại anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán trả cho ngân hàng;

Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/7/2019 bị đơn anh Đinh Văn T trình bày:

Anh và chị H làm đám cưới với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh mắc vào tệ nạn ma túy, trong quá trình anh sử dụng ma túy thì chị H cũng nhiều lần cố gắng, động viên và tìm cách để anh cai nghiện nhưng không được. Hiện nay anh đang phải đi điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La theo quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 52/QĐ – TA, ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, tiếp tục cuộc sống hạnh phúc.

Về con chung: Có hai con chung là con gái Đinh Thị A, sinh ngày 05/8/1999 (hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng), con trai Đinh Trường S, sinh ngày 21/10/2007, nếu ly hôn thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Trường S đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị hiện có một khoản nợ chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở với số tiền vay là 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn với mã khách hàng: 050557, đối với khoản vay này, anh chị vẫn trả lãi xuất đúng quy định. Qua buổi hòa giải ngày 03/7/2019, anh chị thống nhất anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) và lãi xuất phát sinh theo quy định.

Đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trình bày: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên có cho vợ chồng anh chị Đinh Văn T, Đinh Thị H vay số tiền chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở

theo sổ vay vốn với mã khách hàng 050557, với số tiền vay là 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất theo quy định, thời hạn vay là 10 năm (kể từ ngày 10/8/2012 đến ngày 10/8/2022), đến kỳ hạn thanh toán lãi xuất anh chị vẫn trả thanh toán tiền lãi đều theo quy định. Nay anh chị có tranh chấp về ly hôn thì đại diện ngân hàng yêu cầu anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi xuất theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Bản tự khai chị H; Giấy xác nhận; Giấy xác nhận hộ khẩu của Công an xã Huy H, huyện Phù Yên; Giấy chứng minh nhân dân chị H, anh T, cháu A (bản sao); Giấy khai sinh cháu A, cháu S (bản sao); Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 52/QĐ – TA, ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Sổ vay vốn với mã khách hàng 050557 (bản sao);

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Bản tự khai anh T; Biên bản xác minh ngày 01/7/2019 tại Chi hội phụ nữ bản N và Trưởng bản N, xã Huy H, huyện Phù Yên; Biên bản xác minh tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Biên bản lấy lời khai của cháu Đinh Trường S và Đơn xin xét xử vắng mặt của anh T; Đơn đề nghị của Ngân hàng;

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn T;

Đề nghị giao cháu Đinh Trường S cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và chấp nhận yêu cầu của chị H về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chấp nhận sự tự nguyện phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên và sự tự nguyện thanh toán trả một nửa số nợ chung của chị Đinh Thị H. Anh Đinh Văn T có trách nhiệm thanh toán một nửa số tiền gốc và lãi xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn T chung sống với nhau như vợ chồng và có hộ khẩu, tài sản tại bản N, xã Huy H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Đinh Văn T hiện đang điều trị nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La với thời hạn 18 (Mười tám) tháng, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đinh Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, do đó pháp luật không công nhận là vợ chồng, đã vi phạm vào khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ*

chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại điều 15 và 16 của Luật này".

Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: "*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại điều 15 và điều 16 của Luật này.*

Do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh T nghiện ma túy, vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Đinh Thị H kiên quyết xin ly hôn anh Đinh Văn T, anh T không nhất trí và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Căn cứ vào các quy định trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn T.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đinh Thị A, sinh ngày 05/8/1999 và Đinh Trường S, sinh ngày 21/10/2007. Đối với Đinh Thị A hiện nay đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Đinh Trường S, sinh ngày 21/10/2007, chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sơn đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Chị H hiện nay có việc làm, thu nhập ổn định, còn anh T đang phải đi điều trị nghiện ma túy, ý kiến của cháu Sơn có nguyện vọng được sống với chị H nên cần giao cháu Đinh Trường S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho cháu S và chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh T đều có ý kiến tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) và số lãi phát sinh theo sổ vay vốn với mã khách hàng 050557,

thời hạn vay là 10 năm (kể từ ngày 10/8/2012 đến ngày 10/8/2022), đến kỳ hạn thanh toán lãi xuất anh chị vẫn trả thanh toán tiền lãi xuất đều theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh T đã thống nhất, thỏa thuận anh T sẽ tự nguyện thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Tuy nhiên Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên có ý kiến yêu cầu anh T, chị H phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho ngân hàng khoản nợ gốc và lãi xuất theo quy định.

Xét thấy: Hộ gia đình anh T, chị H có vay khoản tiền theo chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở theo sổ vay vốn với mã khách hàng 050557, với số tiền vay là 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất theo quy định để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, thời hạn vay là 10 năm (kể từ ngày 10/8/2012 đến ngày 10/8/2022), đến kỳ hạn thanh toán lãi xuất anh chị vẫn trả thanh toán tiền lãi đều theo quy định. Đại diện ngân hàng yêu cầu anh T chị H phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi xuất theo quy định. Tại phiên tòa chị Đinh Thị H có ý kiến tự nguyện trả một nửa số nợ là 4.000.000,đ cho Ngân hàng và lãi xuất theo quy định, số còn lại anh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Do đó xét yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và ý kiến của chị H là chính đáng, đúng pháp luật, cần được chấp nhận, phù hợp với điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điều 471, điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Trường S, sinh ngày 21/10/2007 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Anh Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền gốc 8.000.000,đ (Tám triệu đồng) và lãi xuất theo quy định;

Theo phần: chị Đinh Thị H có trách nhiệm trả 4.000.000,đ Bốn triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh theo quy định; Anh Đinh Văn T có trách nhiệm trả 4.000.000,đ Bốn triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh theo quy định

6. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 059, số 0002931, ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 19/7/2019; Bị đơn, Người có quyền lợi, nhĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:
-TAND tỉnh Sơn La;
-VKSND huyện Phù Yên (2);
-Chi cục THADS huyện Phù Yên;
-UBND xã Huy H, huyện Phù Yên;
-Các đương sự;
-Lưu HS; AV;

Lê Lương Anh